

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-PT.

Ngày 31/8/2021.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông: Trần Việt Trung

Ông Đinh Viết Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số: 03/2021/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: Số Bi, quận C, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thiên T; chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro - Ngân hàng A- Chi nhánh Q; địa chỉ: Số 24 đường, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (*Quyết định ủy quyền số: 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019 và Giấy ủy quyền số: 595/UQ-BIDV.QT ngày 11/11/2019*), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Q; Địa chỉ: Số 171 H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Văn Q; chức vụ: Giám đốc - Là người đại diện theo pháp luật, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên Hợp Q (gọi tắt là Công ty Hợp Q) ký Hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng A- Chi nhánh Q theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015, Ngân hàng A – Chi nhánh Q cho Công ty Hợp Q vay tổng số tiền 7.500.000.000 đồng; mục đích vay: Đầu tư dự án Nhà máy gạch không nung Hợp Quốc; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay 10%/năm, sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q trả số tiền gốc là 2.950.000.000 đồng và tiền lãi 2.060.636.394 đồng. Còn nợ số tiền gốc 4.550.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.661.393.334 đồng và tiền lãi quá hạn 526.320.694 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi 6.737.718.578 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016, Ngân hàng A– Chi nhánh Q cho Công ty Hợp Q vay số tiền: 2.100.000.000 đồng; mục đích vay: Nâng cấp thiết bị sản xuất gạch không nung cho Nhà máy sản xuất gạch không nung Hợp quốc; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay là 10,9%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q trả số tiền gốc 525.000.000 đồng và tiền lãi 374.753.527 đồng. Còn nợ số tiền gốc 1.575.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 521.995.250 đồng, tiền lãi quá hạn 119.661.354 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi 2.216.656.604 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2017/3210301/HĐTD ngày 04/8/2017, Ngân hàng A– Chi nhánh Q đã cấp hạn mức tín dụng cho Công ty Hợp Q vay tổng số tiền: 1.200.000.000 đồng. Văn bản ngày 06/2/2018 về việc sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01/2017/3210301/HĐTD, điều chỉnh hạn mức cho vay từ 1.200.000.000 đồng lên 1.700.000.000 đồng. Ngân hàng A– Chi nhánh Q đã giải ngân cho Công ty Hợp Q vay theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2017/3210301/HĐTD ngày 14/8/2017, Công ty Hợp Q vay số tiền 198.240.000 đồng; thời hạn vay 08 tháng tính từ ngày 14/8/2017 đến ngày 14/4/2018; mục đích vay: Thanh toán tiền xi măng, thanh toán tiền chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, thanh toán tiền đá + xi măng. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc 198.240.000 đồng, tiền lãi trong hạn 48.971.798 đồng, tiền lãi quá hạn 23.356.745 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 270.568.543 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2017/3210301/HĐTD ngày 27/10/2017, Công ty Hợp Q vay số tiền 402.000.000 đồng; thời hạn vay 08 tháng từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/6/2018; mục đích vay: Thanh toán tiền vật liệu và tiền nhân công tháng 8, 9. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc 402.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 99.307.217 đồng, tiền lãi quá hạn 44.310.863 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 545.618.080 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.04/2017/3210301/HĐTD ngày 07/02/2018, Công ty Hợp Q vay số tiền 356.000.000 đồng; thời hạn vay: 08

tháng từ ngày 07/02/2018 đến ngày 07/10/2018; mục đích vay: Thanh toán tiền nhân công tháng 11, 12/2017 và tháng 01/2018. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ ngân hàng số tiền gốc 356.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 95.929.808 đồng, tiền lãi quá hạn 38.129.063 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 490.058.871 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.05/2017/3210301/HĐTD ngày 13/02/2018, Công ty Hợp Q vay số tiền 90.000.000 đồng; thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/10/2018; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xi măng, tiền mua đá; tiền mua bột đá; tiền mua cát. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 20.383.890 đồng, tiền lãi quá hạn 9.567.740 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 119.951.630 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.06/2017/3210301/HĐTD ngày 05/6/2018, Công ty Hợp Q số tiền giải ngân cho vay: 585.000.000 đồng; thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 05/06/2018 đến ngày 05/02/2019; mục đích vay: Thanh toán tiền nhân công tháng 2, 3, 4, 5/2018. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q hiện còn nợ ngân hàng số tiền gốc 585.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 140.230.110 đồng, tiền lãi quá hạn 53.621.260 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 778.851.370 đồng.

Đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng trên, Công ty TNHH MTV Hợp Q ký các Hợp đồng thế chấp các tài sản như sau:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04/2015/3210301/HĐBĐ ngày 21/4/2015 thế chấp gồm: Máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu: Mountain Raise MR916; số khung: 20150301030; số động cơ: CNR15000223; biển số đăng ký 74LA-0341 để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh bao gồm nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng bảo lãnh, văn bản tín dụng ký kết kể từ ngày 01/4/2015 đến ngày 01/04/2020.

2. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/2015/3210301/HĐBĐ ngày 16/10/2015 thế chấp gồm: Dây chuyền nhà máy sản xuất gạch không nung HF800, kiểu ép tĩnh để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng ký kết kể từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2020.

3. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/3210301/HĐBĐ ngày 23/11/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung số: 01/2017/3210301/SĐBS ngày 30/11/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/3210301/HĐBĐ ngày 23/11/2016 thế chấp gồm: 01 xe ô tô con Toyota Fortuner G sản xuất năm 2010, biển số 74K – 9784, số máy: 2KD6547364, số khung: RL4ZR69G6A4003352; 01 xe tải mui phủ Kia K3000S, sản xuất năm 2012, biển số: 74C- 011.88, số máy: JT-628421, số khung: B27TCC998486 để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2020 bao gồm nợ gốc, nợ lãi,

các khoản phí liên quan khác. Quá trình thực hiện hợp đồng đã giải chấp tài sản là xe ô tô con Toyota Fortuner, tài sản thế chấp còn lại xe tải mui phủ Kia K3000S, sản xuất năm 2012, biển số: 74C- 011.88.

4. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017 thế chấp: Dây chuyền sản xuất gạch không nung, gồm các thiết bị: Máy xếp pallet tự động HX16-HP 01 bộ; máy xếp gạch tự động HZ4-HP 01 bộ; khuôn đúc gạch HF800 (200x60x95) 01 bộ; máy nghiền đá PSJ 01 bộ; tấm pallet đỡ gạch bằng nhựa PVC (900x450x20) 1000 chiếc; máy sản xuất gạch bê tông tự động QTJ4-35B2 01 bộ; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước (390x200x190); (390x150x190); (300x150x200) để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2025 bao gồm nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác.

5. Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017 thế chấp tài sản gắn liền với đất là Nhà máy gạch không nung Hợp Quốc bao gồm: Nhà xưởng sản xuất; diện tích 1.150m², diện tích sàn 1.150m², công trình cấp III; nhà dưỡng hộ; diện tích 336m², diện tích sàn 336m², công trình cấp IV; nhà ăn ca; diện tích 246m², diện tích sàn 246m², công trình cấp IV; nhà để xe công nhân; diện tích 143m², diện tích sàn 143m², công trình cấp IV và các công trình phụ khác gồm: Nhà bảo vệ, cổng sắt, tường rào cao 2m bao quanh khu đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH054477 ngày 11/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho Công ty Hợp Q để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng được ký kết từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2025, bao gồm nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác.

Các khoản vay đã quá hạn, Ngân hàng A– Chi nhánh Q nhiều lần gửi thông báo và trực tiếp làm việc với công ty yêu cầu trả nợ cho ngân hàng, nhưng công ty không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng Akhởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc Công ty Hợp Q phải thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/5/2021 với tổng số tiền: 11.159.419.125 đồng, trong đó: Nợ gốc: 7.756.240.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.588.211.406 đồng và nợ lãi quá hạn 814.967.719 đồng theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015, tính đến ngày 06/5/2021 số tiền nợ gốc 4.550.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.571.606.667 đồng, tiền lãi quá hạn 481.427.361 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016, tính đến ngày 06/5/2021 số tiền nợ gốc 1.575.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 495.115.250 đồng, tiền lãi quá hạn 108.167.354 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.02/2017/3210301/HĐTD ngày 14/8/2017, tính đến ngày 06/5/2021 số tiền nợ gốc 198.240.000 đồng, tiền lãi trong hạn 46.295.286 đồng, tiền lãi quá hạn 22.018.490 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.03/2017/3210301/HĐTD ngày 27/10/2017, tính đến ngày 06/5/2021 số tiền nợ gốc 402.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 93.879.666 đồng, tiền lãi quá hạn 41.597.088 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.04/2017/3210301/HĐTD ngày 07/02/2018, tính đến ngày 06/5/2021 số tiền nợ gốc 356.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 90.748.789 đồng, tiền lãi quá hạn 35.538.553 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.05/2017/3210301/HĐTD ngày 13/02/2018, tính đến ngày 06/5/2021 số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 19.074.082 đồng, tiền lãi quá hạn 8.912.836 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.06/2017/3210301/HĐTD ngày 05/6/2018, tính đến ngày 06/5/2021 số tiền nợ gốc 585.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 131.818.932 đồng, tiền lãi quá hạn 49.415.671 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Hợp Q không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ trả nợ cho Ngân hàng Atheo các hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng Acó quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Hợp Q trình bày:

Công ty TNHH MTV Hợp Q thừa nhận còn nợ Ngân hàng A số tiền gốc là 7.756.240.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng do nguyên đơn khởi kiện. Công ty Hợp Q đồng ý trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng trên. Tuy nhiên, do Công ty Hợp Q đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho công ty gián nợ từ nay đến cuối năm trả một nửa số tiền lãi và đề nghị ngân hàng xem xét lại khoản nợ tiền vay cho công ty thêm thời gian từ 05 năm đến 10 năm để công ty tiếp tục kinh doanh có điều kiện trả nợ cho ngân hàng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, tại thời điểm này có nhiều tài sản thế chấp chưa rõ ràng, cụ thể dây chuyền của nhà máy gồm các thiết bị công ty đang quản lý không có biên bản thế chấp và ngân hàng cung cấp cho Tòa án không chính xác. Sau khi ký hợp đồng thế chấp thì Công ty Hợp Q xây dựng thêm nhiều tài sản khác không nằm trong hợp đồng thế chấp, nhưng tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh đã đưa vào biên bản thẩm định nên công ty không chấp nhận vì không nằm trong Hợp đồng thế chấp tài sản.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án thành phố Đ Quyết định xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 351, Điều 352, Điều

466, khoản 2 Điều 292, Điều 293, 294, 295, 299, 317 và 319 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Hợp Q phải trả nợ cho Ngân hàng A tính đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 11.159.419.125 đồng; Trong đó: Nợ tiền gốc: 7.756.240.000 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 2.588.211.406 đồng và nợ tiền lãi quá hạn 814.967.719 đồng phát sinh từ các hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015; Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.02/2017/3210301/HĐTD ngày 14/8/2017; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.03/2017/3210301/HĐTD ngày 27/10/2017; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.04/2017/3210301/HĐTD ngày 07/02/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.05/2017/3210301/HĐTD ngày 13/02/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.06/2017/3210301/HĐTD ngày 05/6/2018;

2. Bị đơn Công ty TNHH MTV Hợp Q có nghĩa vụ tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án từ sau ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 06/5/2021) theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết số nợ tiền vay.

3. Trường hợp Công ty TNHH MTV Hợp Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A theo các hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản thế chấp gồm:

a). Dây chuyền nhà máy sản xuất gạch không nung HF800 kiểu ép tĩnh, gồm các thiết bị: Máy phối liệu PLD 1200 ba khoang để cân đo mặt đá, cát, nguyên liệu khác (*có hệ thống sàng rung trên mỗi mặt khoang liệu, kích thước lọt sàn của vật liệu 0-5mm*); băng tải cấp liệu đặt dưới máy phối liệu đến gần nâng, điều khiển cấp liệu bằng điện động; máy trộn hành tinh 1000 lít có sàng liệu đầu vào; máy chuyển; trạm thủy lực; hệ thống điều khiển PLC; máy cấp liệu vào khuôn; máy xuất gạch; rô bột xếp gạch; khuôn gạch 6 lỗ; palet tre kích thước 800 x 800 x 20mm; cân nước, cân xi măng, có máy bơm khí nén; xi lô xi măng 80 tấn có hệ thống lọc bụi, van thở, khí thải ra môi trường < 50mg/m³ khí thải; vít tải chuyển xi măng dài 8-12m chuyển xi măng; 04 xe nâng tay thủy lực 02 tấn; máy gạch HF150 01 bộ; máy đẩy palet, máy dịch chuyển palet tại chỗ gấp gạch, máy chuyển khay gạch 01 bộ; khuôn gạch 04 lỗ mua thêm 01 bộ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/2015/3210301/HĐBĐ ngày 16/10/2015 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2020 của TAND huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

b). 01 Xe tải mui phủ Kia K3000S, sản xuất năm 2012, biển số 74C-011.88, số máy: JT-628421, số khung: B27TCC998486 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 001064 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11/7/2012 theo

Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/3210301/HĐBĐ ngày 23/11/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung số: 01/2017/3210301/SĐBS ngày 30/11/2017.

c). Dây chuyền sản xuất gạch không nung, gồm các thiết bị: Máy xếp pallets tự động HX16-HP, đầu tư thêm bơm thủy lực màu xanh; máy xếp gạch tự động HZ4-HP 01 bộ; khuôn đúc gạch HF850 01 bộ; máy nghiền đá PSJ 01 bộ; tấm pallet đỡ gạch bằng nhựa PVC (900x450x20)mm 1000 chiếc; máy sản xuất gạch bê tông tự động QTJ4-35B2 01 bộ; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước 390x200x190 cm; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước 390x150x190 cm; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước 390x150x200 cm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2020 của TAND huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

d). Tài sản gắn liền với đất của Nhà máy sản xuất gạch không nung Hợp Quốc bao gồm: Nhà xưởng sản xuất có diện tích 1.150m², mái lợp tôn, trụ và đòn tay làm bằng sắt, có tôn bao quanh. Phía sau xây dựng thêm 24 trụ bằng bê tông, đường kính 0,9m, phần làm thêm đã lợp mái có diện tích 135m²; nhà dưỡng hồ có diện tích 336m², có chiều dài 30m, chiều rộng 11,2m, mái lợp tôn, đòn tay làm bằng sắt, trụ làm bằng cột bê tông; nhà ăn ca có diện tích 246m², chiều dài 21,8m, chiều rộng 11,3m, mái lợp bờ rô xi măng, đòn tay bằng sắt, trụ làm bằng bê tông, một phần mái hiên lợp tôn, một phần của nhà ăn ca được xây dựng tường có chiều rộng 11,3m, chiều dài 10,3m; nhà để xe diện tích 143m², có chiều rộng phía Nam 6m, chiều rộng phía Bắc 6,13m, chiều dài 23,8m, mái lợp bằng bờ lô xi măng, kèo làm bằng xi măng, đòn tay làm bằng sắt, trụ làm bằng bê tông (Hiện đã được cải tạo 01 phần xây tường rào bao quanh, diện tích cải tạo 42,84m² (11,9m x 3,6m), đã được xây tường, sơn màu xanh, cửa làm bằng nhôm kính, đã đóng la phong thành văn phòng làm việc. 01 phần xây tường bao quanh, chưa tô, chiều cao tường 3,4m, diện tích cải tạo là 39,6m² (11m x 3,6m); nhà bảo vệ có diện tích 14,52m², mái lợp bằng ngói úp màu đỏ, cửa làm bằng khung nhôm kính, tường tô xi măng, sơn màu vàng nhạt và vàng đậm có vị trí: Phía Nam giáp đường nhựa, cách mép đường nhựa 8,5m, chiều dài 3,3m; phía Đông cách trụ cổng 0,8m, chiều dài 4,4m; cổng sắt lồi vào chính được làm bằng sắt, sơn màu vàng đỏ, có chiều dài 12,77m, rộng 0,6m, cao 1,6m; cửa sắt phụ gần nhà bảo vệ, lè nổi vào trụ cổng có chiều dài 1,5m, chiều rộng 1,5m; cửa sắt phụ gần nhà ăn ca có chiều dài 1,5m, chiều rộng 1,5m, lè đóng vào trụ tường rào, chốt đóng vào trụ cổng, sơn màu đỏ, vàng; tường rào phía Nam cao 2,3m, giữa hai đoạn tường có cửa khóa 2 cánh làm bằng sắt, sơn màu xanh nhạt; tường rào phía Tây cao 1,8m, xây bằng bờ lô xi măng, chưa tô; tường rào phía Bắc cao 2,2m, xây bằng bờ lô xi măng, chưa tô; tường rào phía Đông cao 2,2m, xây bằng bờ lô xi măng, đã được tô. Những tài sản trên được xây dựng trên thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 27; địa chỉ: Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH054477 ngày 11/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp

cho Công ty TNHH MTV Hợp Q theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2020 của TAND huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

đ). 01 Máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Mountain Raise MR916; số khung 20150301030; số động cơ: CNR15000223; biên số đăng ký 74LA-0341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 0348/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14/4/2015 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04/2015/3210301/HĐBĐ ngày 21/4/2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/6/2021, Công ty TNHH MTV Hợp Q có đơn kháng cáo với nội dung như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015, Công ty TNHH MTV Hợp Q vay của Ngân hàng A số tiền 7.500.000.000đồng với mục đích chi trả mua máy móc sản xuất gạch không nung của dòng máy ép tĩnh HS800 và theo Hợp đồng thế chấp số 05/2015/3210/301/HĐBĐ ngày 16/10/2015. Ngày 11/4/2015 dự án lắp ráp hoàn thiện thiết bị máy móc và đi vào hoạt động, nhưng không hiệu quả, máy móc thiết bị xảy ra sự cố, sản phẩm gạch làm ra không đạt chất lượng và năng suất như cam kết của Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Hồng Phát Việt Nam nên ngày 25/12/2015 dự án phải dừng hoạt động. Công ty Hợp Q yêu cầu bên bán nhận lại thiết bị máy móc và bồi thường thiệt hại. Đến ngày 10/2/2016, Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Hồng Phát bồi thường và hỗ trợ giá cho Công ty Hợp Q mua thêm một số thiết bị công nghệ. Sau đó, Công ty Hợp Q được Ngân hàng A cho vay thêm số tiền 2.100.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016 và Hợp đồng thế chấp số 01/2017/32/10301/HĐBĐ ngày 04/8/2017, có biên bản định giá ngày 27/7/2017. Với số tiền vay trên, Công ty chỉ đủ chi trả một số thiết bị thay đổi và thiết bị phát sinh nên giá trị chênh lệch của các thiết bị chủ lực của dây chuyền mới HS850 Công ty phải xin Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Hồng Phát Việt Nam theo hình thức công nợ và các tài sản này không có biên bản kê biên thế chấp và không có biên bản định giá tài sản. Các tài sản được thế chấp theo các hợp đồng thế chấp và các biên bản định giá tài sản do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm là không chính xác, không đúng thực tế, không đầy đủ so với các tài sản hiện nay của dây chuyền sản xuất gạch bê tông không nung dòng máy HS850 của Nhà máy hiện nay.

- Căn cứ khoản 4 của Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015 quy định trả nợ gốc, lãi. Điểm c khoản 2 phương thức trả nợ khi có nguyên nhân khách quan không thanh toán được đầy đủ đúng hạn nợ vay, bên vay có thể đề nghị bằng văn bản để ngân hàng xem xét. Khi dự án của Công ty hoạt động không hiệu quả do khách quan là khoa học kỹ thuật chế tạo thiết bị công nghệ sản xuất gạch bê tông trên thế giới áp dụng cho gạch xây lỗ nhỏ của miền trung Việt Nam lần đầu tiên được áp dụng nên xảy ra nhiều sự cố dẫn

không hoạt động hiệu quả nên không có tiền trả nợ ngân hàng. Trước khó khăn bất khả kháng, công ty không có khả năng trả nợ, công ty nhiều lần làm đơn đề nghị giãn nợ nhưng không được chấp nhận. Các tài sản thế chấp của Hợp đồng tín dụng hạn mức thực chất là hợp thức hóa để rút ra và chi trả gốc, lãi của nhà máy. Sau khi đã thế chấp hết tài sản, công ty hoạt động không có vốn và đến nay mất khả năng thanh toán cũng có phần lỗi của phía Ngân hàng.

Vì vậy, Công ty Hợp Q kháng cáo một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm. Công ty Hợp Q chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền nợ gốc: 7.756.240.000 đồng và đề nghị giảm một phần số tiền nợ lãi trong hạn của số tiền 2.588.211.406 đồng. Không chấp nhận số tiền nợ tiền lãi quá hạn 814.967.719 đồng.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Abuộc bị đơn Công ty TNHH MTV Hợp Q phải trả nợ cho Ngân hàng Atổng số tiền 11.159.419.125 đồng. Trong đó: Nợ tiền gốc 7.756.240.000 đồng; nợ tiền lãi trong hạn 2.588.211.406 đồng và nợ tiền lãi quá hạn 814.967.719.

+ Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Hợp Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

+ Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH MTV Hợp Q ký các hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng A. Đến hạn trả nợ, nhưng Công ty Hợp Q không thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng A

khởi kiện yêu cầu Công ty Hợp Q phải trả nợ số tiền phát sinh từ các hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 8 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây tranh chấp về kinh doanh thương mại và quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của Công ty Q, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với các Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy:

- Theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015, Ngân hàng A– Chi nhánh Q đã cho Công ty Hợp Quốc vay số tiền 7.500.000.000 đồng với mục đích vay: Đầu tư dự án Nhà máy gạch không nung Hợp Quốc; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay 10%/năm, sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn. Hợp đồng còn thỏa thuận Công ty Hợp Q có trách nhiệm thanh toán nợ gốc theo 11 kỳ từ ngày 15/9/2015 đến 30/1/2020. Lãi vay nhập gốc trả 03 tháng/lần và trả định kỳ ngày 15 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, theo các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) thì Công ty Hợp Q đã rút vốn vay ngày 30/01/2015 vay số tiền 558.346.000 đồng, ngày 02/02/2015 vay số tiền 730.372.600 đồng, ngày 09/02/2015 vay số tiền 173.848.000 đồng, ngày 11/02/2015 vay số tiền 730.100.000 đồng, ngày 14/02/2015 vay số tiền 327.000.000 đồng, ngày 17/3/2015 vay số tiền 4.480.333.400 đồng, ngày 20/3/2015 vay số tiền 95.563.643 đồng, ngày 24/4/2015 vay số tiền 404.436.357 đồng. Tổng cộng đã nhận nợ là 7.500.000.000 đồng. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q trả số tiền gốc là 2.950.000.000 đồng và số tiền lãi 2.060.636.394 đồng. Ngày 15/9/2015, Công ty Hợp Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên phía nguyên đơn chuyển nợ gốc quá hạn. Công ty Hợp Q còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 4.550.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1.661.393.334 đồng và số tiền lãi quá hạn 526.320.694 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016, Ngân hàng A– Chi nhánh Q đã cho Công ty Hợp Quốc vay số tiền 2.100.000.000 đồng với mục đích: Nâng cấp thiết bị sản xuất gạch không nung cho Nhà máy sản xuất gạch không nung Hợp quốc; thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay: 10,9%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Công ty Hợp Q có trách nhiệm thanh toán nợ gốc theo 19 kỳ từ ngày 15/12/2016 đến 28/6/2021. Lãi vay trả ngày 15 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên ngày 15/7/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Hợp Q rút vốn vay theo các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) vào các ngày 28/6/2016 vay số tiền 1.941.971.100 đồng; ngày 28/12/2016 vay số tiền 158.028.900 đồng. Tổng cộng 2.100.000.000 đồng. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q trả được số tiền nợ gốc là 525.000.000 đồng và 374.753,527 đồng tiền lãi. Sau đó Công ty Hợp Q không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn.

Công ty Hợp Q còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 1.575.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 521.995.250 đồng, tiền lãi quá hạn 119.661.354 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2017/3210301/HĐTD ngày 04/8/2017, hạn mức cho vay 1.200.000.000 đồng và Văn bản ngày 06/02/2018 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01/2017/3210301/HĐTD, Công ty Hợp Q vay số tiền 1.700.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.02/2017/3210301/HĐTD ngày 14/8/2017, Nguyên đơn cho Công ty Hợp Quốc vay số tiền 198.240.000 đồng vào ngày 14/8/2017. Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 14/8/2017 đến ngày 14/4/2018; lãi suất cho vay 7,7%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; mục đích vay: Thanh toán tiền xi măng, thanh toán tiền chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, thanh toán tiền đá + xi măng. Sau khi nhận nợ, Công ty Hợp Q không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn vào ngày 16/4/2018. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc 198.240.000 đồng, tiền lãi trong hạn 48.971.798 đồng, tiền lãi quá hạn 23.356.745 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.03/2017/3210301/HĐTD ngày 27/10/2017, Nguyên đơn đã giải ngân cho Công ty Hợp Quốc vay số tiền 402.000.000 đồng. Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/6/2018; lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng; mục đích vay: Thanh toán tiền vật liệu, thanh toán tiền nhân công tháng 8, 9. Sau khi nhận nợ, Công ty Hợp Q không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn vào ngày 27/6/2018. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc là 402.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 99.307.217 đồng, tiền lãi quá hạn 44.310.863 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.04/2017/3210301/HĐTD ngày 07/02/2018, Nguyên đơn đã giải ngân cho Công ty Hợp Quốc vay số tiền 356.000.000 đồng; thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 07/02/2018 đến ngày 07/10/2018; lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng; mục đích vay: Thanh toán tiền nhân công tháng 11, 12/2017 và tháng 01/2018. Sau khi nhận nợ, Công ty Hợp Q không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn vào ngày 08/10/2018. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc là 356.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 95.929.808 đồng, tiền lãi quá hạn 38.129.063 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.05/2017/3210301/HĐTD ngày 13/02/2018, Nguyên đơn đã giải ngân cho Công ty Hợp Quốc vay số tiền 90.000.000 đồng. Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/10/2018; lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xi măng, mua đá, mua bột đá, mua cát. Sau khi nhận nợ, Công ty Hợp Q không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng

nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn vào ngày 15/10/2018. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc 90.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 20.383.890 đồng, tiền lãi quá hạn 9.567.740 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.06/2017/3210301/HĐTD ngày 05/6/2018, Nguyên đơn đã giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên Hợp Quốc vay số tiền 585.000.000 đồng vào ngày 05/6/2018. Thời hạn vay: 08 tháng từ ngày 05/6/2018 đến ngày 05/02/2019; lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng; mục đích vay: Thanh toán tiền nhân công tháng 2, 3, 4, 5/2018. Sau khi nhận nợ, Công ty Hợp Q không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn nên ngân hàng đã chuyển nợ gốc quá hạn từ ngày 11/02/2019. Tính đến ngày 06/5/2021, Công ty Hợp Q còn nợ số tiền gốc là 585.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 140.230.110 đồng, tiền lãi quá hạn 53.621.260 đồng.

Như vậy, giữa Nguyên đơn với Công ty Hợp Q ký kết các Hợp đồng tín dụng trên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của các Hợp đồng tín dụng giao kết bằng văn bản, trong đó có thỏa thuận về điều kiện vay, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận nên các Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, tại phiên tòa Công ty Hợp Q thừa nhận đã nhận nợ theo các giấy nhận nợ, có thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất vay và cam kết của bên vay theo mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn. Công ty Hợp Q cũng thừa nhận theo thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng trên thì sau khi nhận nợ, Công ty không thực hiện trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nên việc ngân hàng chuyển toàn bộ khoản nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất là 150% của lãi suất trong hạn là đúng quy định và tính đến ngày 06/5/2021. Công ty Hợp Quốc còn nợ Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng trên với tổng số tiền gốc và số tiền lãi là 11.159.419.125 đồng; trong đó: Nợ số tiền gốc: 7.756.240.000 đồng, nợ số tiền lãi trong hạn 2.588.211.406 đồng và nợ số tiền lãi quá hạn 814.967.719 đồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định thì Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A. Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Hợp Quốc phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và số tiền lãi là 11.159.419.125 đồng; trong đó: Nợ số tiền gốc: 7.756.240.000

đồng, nợ số tiền lãi trong hạn 2.588.211.406 đồng, nợ số tiền lãi quá hạn 814.967.719 đồng và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn Công ty Hợp Q còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty Hợp Q.

[3.2] Đối với các Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Hợp Q, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, Công ty TNHH MTV Hợp Q đều thừa nhận đã ký kết các hợp đồng thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Hợp Q như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04/2015/3210301/HĐBĐ ngày 21/4/2015, Công ty Hợp Q thế chấp: Máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Mountain Raise MR916; số khung 20150301030; số động cơ: CNR15000223; biển số đăng ký 74LA-0341, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 0348/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14/4/2015, chủ sở hữu là Công ty Q. Giá trị tài sản thế chấp 182.000.000đồng. Theo thỏa thuận của hợp đồng, Công ty Hợp Q đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp trên để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Hợp Q đối với Ngân hàng phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng bao gồm nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí liên quan khác được ký kết kể từ ngày 01/4/2015 đến ngày 01/04/2020.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/2015/3210301/HĐBĐ ngày 16/10/2015, thế chấp: 01 Dây chuyền nhà máy sản xuất gạch không nung HF800 kiểu ép tĩnh gồm các thiết bị: Máy phối liệu PLD 1200 ba khoang để cân đo mặt đá, cát, nguyên liệu khác (có hệ thống sàn rung trên mỗi mặt khoang liệu, kích thước lọt sàn của vật liệu 0-5mm); băng tải cấp liệu đặt dưới máy phối liệu đến gần nâng, điều khiển cấp liệu bằng điện động; máy trộn hành tinh 1000 lít có sàng liệu đầu vào; máy chủ; trạm thủy lực; hệ thống điều khiển PLC; máy cấp liệu vào khuôn; máy xuất gạch; rô bột xếp gạch; khuôn gạch 6 lỗ; Palet tre kích thước (800x800x20)mm 1000 chiếc; cân nước, cân xi măng, có máy bơm khí nén; xi lô xi măng 80 tấn có hệ thống lọc bụi, van thở, khí thải ra môi trường < 50mg/m³ khí thải; vít tải chuyển xi măng dài 8-12m chuyển xi măng; 04 xe nâng tay thủy lực 02 tấn; máy gạch HF150 tấn; máy trộn 350 kiểu đứng, băng tải 6m; khuôn gạch nửa 6 lỗ; 04 lỗ; máy đẩy palet; máy dịch chuyển palet tại chỗ, gấp gạch để xếp thành 2 lần/một palet; máy chuyển khay gạch; khuôn gạch 4 lỗ mua thêm. Giá trị tài sản thế chấp 5.850.000.000đồng. Để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Hợp Q phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2020.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/3210301/HĐBĐ ngày 23/11/2016 và Văn bản sửa đổi bổ sung số: 01/2017/3210301/SĐBS ngày 30/11/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/3210301/HĐBĐ ngày 23/11/2016, Công ty Hợp Q thế chấp còn lại là: Xe tải mui phủ Kia K3000S, sản xuất năm 2012, biển số: 74C- 011.88, số máy:

JT-628421, số khung: B27TCC998486 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 001064 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11/7/2012. Tổng giá trị tài sản thế chấp 700.000.000đồng. Các tài sản thế chấp trên đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng được ký kết giữa ngân hàng với Công ty Quốc từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2020 bao gồm nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí liên quan khác.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017, Công ty Hợp Q thế chấp: Dây chuyền sản xuất gạch không nung gồm các thiết bị: Máy xếp pallets tự động HX16-HP 01 bộ; máy xếp gạch tự động HZ4-HP 01 bộ; khuôn đúc gạch HF800 (200x60x95) 01 bộ; máy nghiền đá PSJ 01 bộ; tấm pallet đỡ gạch bằng nhựa PVC (900x450x20) 1000 chiếc; máy sản xuất gạch bê tông tự động QTJ4-35B2; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước (390x200x190); (390x150x190); (300x150x200). Tổng giá trị tài sản thế chấp 2.585.000.000đồng. Các tài sản thế chấp trên bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Hợp Q đối với ngân hàng phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh, văn bản tín dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2025 bao gồm nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017, Công ty Hợp Q thế chấp tài sản gắn liền với đất là Nhà máy gạch không nung Hợp Quốc bao gồm: Nhà xưởng sản xuất diện tích 1.150m², diện tích sàn 1.150m², công trình cấp III; nhà dưỡng hộ diện tích 336m², diện tích sàn 336m², công trình cấp IV; nhà ăn ca diện tích 246m², diện tích sàn 246m², công trình cấp IV; nhà để xe công nhân diện tích 143m², diện tích sàn 143m², công trình cấp IV; các công trình phụ khác gồm: Nhà bảo vệ, cổng sắt, tường rào cao 2m bao quanh khu đất. Những tài sản trên gắn liền với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 27 với diện tích 15.126m²; địa chỉ: Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH054477 ngày 11/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho Công ty Q. Tổng giá trị tài sản thế chấp 5.000.000.000đồng. Các tài sản trên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Công ty Hợp Q đối với ngân hàng phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2025 bao gồm nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty Hợp Q ký kết các hợp đồng thế chấp để thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty Hợp Q để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng. Các Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, nội dung giao kết trong các hợp đồng thế chấp đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo nghĩa vụ phát sinh của Công ty Hợp Q theo các hợp đồng tín dụng được ký kết. Công ty Hợp Q cho

rằng sau khi ký kết các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng A- Chi nhánh Q, Công ty Hợp Q có đầu tư thêm một số tài sản như đầu tư thêm vào một số thiết bị và tài sản gắn liền với thửa đất số 210, tờ bản đồ số 27 trên diện tích đất 15.126m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH054477 ngày 11/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho Công ty Q không nằm trong các Hợp đồng thế chấp. Hội đồng xét xử thấy, tại các hợp đồng thế chấp các bên có thỏa thuận: “...*Trường hợp bên thế chấp hoặc bên thứ ba đầu tư thêm vào tài sản thế chấp thì phần tài sản tăng thêm do đầu tư cũng thuộc tài sản thế chấp, Ngân hàng và bên thế chấp sẽ định giá thêm phần giá trị mà bên thế chấp đã đầu tư thêm và ghi nhận vào văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp. Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp, hai bên vẫn chưa tiến hành được việc định giá lại thì Ngân hàng vẫn được xử lý tài sản thế chấp bao gồm cả phần giá trị đã được đầu tư thêm...*”. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử trường hợp Công ty Hợp Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp và các tài sản Công ty Hợp Q đầu tư thêm để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 117, khoản 2 Điều 292, 293, 298, 307, 317, 318, 319, 320, 322, Điều 323, Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty Hợp Q.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị; không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH MTV Hợp Q và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Hợp Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 352, khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 401, Điều 466, Điều 470 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.
2. Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Hợp Q phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền gốc và lãi là 11.159.419.125 đồng (*Mười một tỷ, một trăm*

năm mươi chín triệu, bốn trăm mười chín nghìn, một trăm hai lăm đồng); Trong đó: Số tiền gốc: 7.756.240.000 đồng (*Bảy tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng*); số tiền lãi trong hạn 2.588.211.406 đồng (*Hai tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, hai trăm mười một nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng*) và số tiền lãi quá hạn 814.967.719 đồng (*Tám trăm mười bốn triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm mười chín đồng*) phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015, số tiền nợ gốc 4.550.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 1.661.393.334 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 526.320.694 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016, số tiền nợ gốc 1.575.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 521.995.250 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 119.661.354 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.02/2017/3210301/HĐTD ngày 14/8/2017, số tiền nợ gốc 198.240.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 48.971.798 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 23.356.745 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.03/2017/3210301/HĐTD ngày 27/10/2017, số tiền nợ gốc 402.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 99.307.217 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 44.310.863 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.04/2017/3210301/HĐTD ngày 07/02/2018, số tiền nợ gốc 356.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 95.929.808 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 38.129.063 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.05/2017/3210301/HĐTD ngày 13/02/2018, số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 20.383.890 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 9.567.740 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.06/2017/3210301/HĐTD ngày 05/6/2018, số tiền nợ gốc 585.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn 140.230.110 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 53.621.260 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn Công ty TNHH MTV Hợp Q còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015; Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2017/3210301/HĐTD ngày 14/8/2017; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2017/3210301/HĐTD ngày 27/10/2017; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.04/2017/3210301/HĐTD ngày 07/02/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.05/2017/3210301/HĐTD ngày 13/02/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.06/2017/3210301/HĐTD ngày 05/6/2018 cho đến khi trả hết số tiền vay trên.

4. Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên Hợp Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A theo các hợp đồng tín dụng số 01/2015/3210301/HĐTD ngày 28/01/2015; Hợp đồng tín dụng

số 01/2016/3210301/HĐTD ngày 28/6/2016; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.02/2017/3210301/HĐTD ngày 14/8/2017; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.03/2017/3210301/HĐTD ngày 27/10/2017; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.04/2017/3210301/HĐTD ngày 07/02/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.05/2017/3210301/HĐTD ngày 13/02/2018; Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.06/2017/3210301/HĐTD ngày 05/6/2018 thì Ngân hàng Acó quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý toàn bộ tài sản thế chấp như sau:

a). Dây chuyền nhà máy sản xuất gạch không nung HF800 kiểu ép tĩnh, gồm các thiết bị: Máy phối liệu PLD 1200 ba khoang để cân đo mặt đá, cát, nguyên liệu khác (*có hệ thống sàng rung trên mỗi mặt khoang liệu, kích thước lọt sàn của vật liệu 0-5mm*); băng tải cấp liệu đặt dưới máy phối liệu đến gần nâng, điều khiển cấp liệu bằng điện động; máy trộn hành tinh 1000 lít có sàng liệu đầu vào; máy chuyển; trạm thủy lực; hệ thống điều khiển PLC; máy cấp liệu vào khuôn; máy xuất gạch; rô bột xếp gạch; khuôn gạch 6 lỗ; palet tre kích thước 800 x 800 x 20mm; cân nước, cân xi măng, có máy bơm khí nén; xi lô xi măng 80 tấn có hệ thống lọc bụi, van thở, khí thải ra môi trường < 50mg/m³ khí thải; vít tải chuyển xi măng dài 8-12m chuyển xi măng; 04 xe nâng tay thủy lực 02 tấn; máy gạch HF150 01 bộ; máy đẩy palet, máy dịch chuyển palet tại chỗ gấp gạch, máy chuyển khay gạch 01 bộ; khuôn gạch 04 lỗ mua thêm 01 bộ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2015/3210301/HĐBĐ ngày 16/10/2015 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2020 của TAND huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

b). 01 Xe tải mui phủ Kia K3000S, sản xuất năm 2012, biển số 74C-011.88, số máy: JT-628421, số khung: B27TCC998486 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 001064 do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11/7/2012 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2016/3210301/HĐBĐ ngày 23/11/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2017/3210301/SĐBS ngày 30/11/2017.

c). Dây chuyền sản xuất gạch không nung, gồm các thiết bị: Máy xếp pallets tự động HX16-HP, đầu tư thêm bơm thủy lực màu xanh; máy xếp gạch tự động HZ4-HP 01 bộ; khuôn đúc gạch HF850 01 bộ; máy nghiền đá PSJ 01 bộ; tám pallet đỡ gạch bằng nhựa PVC (900x450x20)mm 1000 chiếc; máy sản xuất gạch bê tông tự động QTJ4-35B2 01 bộ; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước 390x200x190 cm; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước 390x150x190 cm; khuôn đúc gạch bằng thép dùng cho máy QTJ4-35B2, kích thước 390x150x200cm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2020 của TAND huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

d). Tài sản gắn liền với diện tích đất 15.126m², thửa đất số: 210, tờ bản đồ số: 27; địa chỉ: Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH054477 ngày 11/7/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp cho Công ty Q gồm Nhà máy sản xuất gạch không nung Hợp Quốc có các hạng mục công trình

như sau: Nhà xưởng sản xuất có diện tích 1.150m², mái lợp tôn, trụ và đòn tay làm bằng sắt, có tôn bao quanh. Phía sau xây dựng thêm 24 trụ bằng bê tông, đường kính 0,9m, phần làm thêm đã lợp mái có diện tích 135m²; nhà dưỡng hộ có diện tích 336m², có chiều dài 30m, chiều rộng 11,2m, mái lợp tôn, đòn tay làm bằng sắt, trụ làm bằng cột bê tông; nhà ăn ca có diện tích 246m², chiều dài 21,8m, chiều rộng 11,3m, mái lợp bờ lô xi măng, đòn tay bằng sắt, trụ làm bằng bê tông, một phần mái hiên lợp tôn, một phần của nhà ăn ca được xây dựng tường có chiều rộng 11,3m, chiều dài 10,3m; nhà để xe diện tích 143m², có chiều rộng phía Nam 6m, chiều rộng phía Bắc 6,13m, chiều dài 23,8m, mái lợp bằng bờ lô xi măng, kèo làm bằng xi măng, đòn tay làm bằng sắt, trụ làm bằng bê tông (Hiện đã được cải tạo 01 phần xây tường rào bao quanh, diện tích cải tạo 42,84m² (11,9m x 3,6m), đã được xây tường, sơn màu xanh, cửa làm bằng nhôm kính, đã đóng la phong thành văn phòng làm việc. 01 phần xây tường bao quanh, chưa tô, chiều cao tường 3,4m, diện tích cải tạo là 39,6m² (11m x 3,6m); nhà bảo vệ có diện tích 14,52m², mái lợp bằng ngói úp màu đỏ, cửa làm bằng khung nhôm kính, tường tô xi măng, sơn màu vàng nhạt và vàng đậm có vị trí: Phía Nam giáp đường nhựa, cách mép đường nhựa 8,5m, chiều dài 3,3m; phía Đông cách trụ cổng 0,8m, chiều dài 4,4m; cổng sắt lối vào chính được làm bằng sắt, sơn màu vàng đỏ, có chiều dài 12,77m, rộng 0,6m, cao 1,6m; cửa sắt phụ gần nhà bảo vệ, lè nổi vào trụ cổng có chiều dài 1,5m, chiều rộng 1,5m; cửa sắt phụ gần nhà ăn ca có chiều dài 1,5m, chiều rộng 1,5m, lè đóng vào trụ tường rào, chốt đóng vào trụ cổng, sơn màu đỏ, vàng; tường rào phía Nam cao 2,3m, giữa hai đoạn tường có cửa khóa 2 cánh làm bằng sắt, sơn màu xanh nhạt; tường rào phía Tây cao 1,8m, xây bằng bờ lô xi măng, chưa tô; tường rào phía Bắc cao 2,2m, xây bằng bờ lô xi măng, chưa tô; tường rào phía Đông cao 2,2m, xây bằng bờ lô xi măng, đã được tô. Những tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2017/3210301/HĐBĐ ngày 04/8/2017 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2020 của TAND huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

đ). 01 Máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Mountain Raise MR916; số khung 20150301030; số động cơ: CNR15000223; biên số đăng ký 74LA-0341 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số: 0348/XMCD do Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14/4/2015 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 04/2015/3210301/HĐBĐ ngày 21/4/2015.

5. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

- Buộc Công ty TNHH MTV Hợp Q phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 119.159.419 đồng trên số tiền 11.159.419.125 đồng được Tòa án chấp nhận và phải chịu số tiền 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001225 ngày 06/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Công ty TNHH MTV Hợp Q phải tiếp tục nộp số tiền 11.159.419.125 đồng.

- Hoàn trả Nguyên đơn Ngân hàng Asô tiền đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.703.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000313 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Buộc Công ty TNHH MTV Hợp Q phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 10.470.000 đồng. Do nguyên đơn Ngân hàng Asô nộp chi phí xem xét thẩm định tại nên Công ty TNHH MTV Hợp Q phải trả nguyên đơn Ngân hàng Asô tiền 10.470.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND TP Đông Hà;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Các Thẩm phán *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*

Định Viết Nam

Trần Việt Trung

Nguyễn Thị Thu Hà